bīn zi

槟子

noun · betel nut (colloquial)

Example Sentences

tā mǎi le yī bǎ bīn zi
他 买 了 一把 槟子。

He bought a handful of betel nuts.

bīn zi zài dāng dì huà lǐ jiù shì bīng láng
槟子 在 当 地 话 里 就是 槟 榔。

'Bin zi' in the local dialect means betel nut.

lǎo rén xí guàn fàn hòu jiáo yī kē bīn zi
老人 习 惯 饭 后 嚼 一颗 槟子。

The old man is used to chewing a betel nut after meals.

Trace each character, then write the word on your own.

槟 槟 槟 槟 槟 槟 槟 槟 槟 槟 槟

槟 槟 槟 槟 槟 槟

子 子 子 子 子 子